TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Điệt

2. Ông Nguyễn Hồng Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Phương T; địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thế T1; địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 25-4-2023 (có mặt).

- *Các bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu T2; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T3; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Huỳnh Thế T1 trình bày:*

Vào ngày 20-11-2020, bà T có bán lúa giống cho ông Nguyễn Văn T3 và bà

Nguyễn Thị Thu T2 với số lượng 8.920kg, loại lúa IR4625, giá lúa 13.500 đồng/kg, tổng giá trị là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Việc mua bán lúa giống có sổ theo dõi bán hàng do bà Nguyễn Thị Thu T2 tự ghi và ký tên vào sổ. Sau khi nhận lúa giống, bà T2 và ông T3 hứa sẽ thanh toán tiền mua lúa giống vào ngày hôm sau. Nhưng kể từ khi nhận lúa giống đến nay ông T3 và bà T2 chưa thanh toán số tiền mua lúa giống. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Phương T số tiền mua lúa giống còn nợ là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 phải trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 20-11-2020 đến ngày 19-4-2023, tạm tính 29 tháng, mức lải suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ 120.420.000 đông là 28.985.094 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm tám mươi năm nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng). Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại Tờ tường trình ngày 03-6-2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:*

Ông T3 có nhận Giống IR 4625 từ ông Nguyễn Văn C, số lượng là 10.200kg do ông C giao cho anh Lý C1 tại ấp Đ, xã L, huyện T để bao tiêu không làm. Nhưng thực tế ông T3 chỉ nhận là 7.200kg, còn 3.000kg là lúa của ông T3 gửi lò xấy của HTX ông C. Việc bà T nói vào ngày 20-11-2020 nhận giống là không đúng, vì ông T3 nhận giống này cách đó khoảng 08 tháng trước từ ông C. Ông T3 không trực tiếp nhận giống từ bà T và cũng không mua lúa giống này, vì loại lúa này là nếp chỉ để bao tiêu tới vụ chứ không mua bán thương mại với dân được. Việc bà T2 ký nhận G là do bà T cùng với ông C đến nhà, khi đó ông T3 không có ở nhà, ông C nói là Giống này ông nhận của bà T và yêu cầu bà T2 ký nhận với bà T, ông C sẽ ký nhận phần đất của ông T4 để vay tiền hùng vốn với HTX H bao tiêu lúa, nên bà T2 mới ký nhận, chứ chưa từng làm ăn với bà T.

Vào khoảng tháng 11 năm 2022 âl, ông C đã bán tài sản của ông T4 (phần đất tại V, ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng), ông T3 có nghe ông C nói đã đưa cho bà T 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để trả tiền lúa Giống IR 4625 mà ông C nhận của bà T giao cho ông T3. Nếu bà T nói ông T3 còn nợ tiền lúa giống thì ông T3 yêu cầu đưa ông Nguyễn Văn C vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà T phải trả lại số tiền cho ông C để ông C tính lại với ông T3, chứ giữa ông T3 và bà T chưa từng có giao dịch mua bán lúa Giống.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 12-7-2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:*

Giữa bà T2 và ông T3 với bà T không có trực tiếp giao dịch mua bán lúa giống, việc bà T2 ký nhận lúa giống là do bà T và ông C đến nhà nói lúa giống mà bà T2, ông T3 nhận từ ông C trước đó là của bà T và yêu cầu bà T2 ký nhận nên bà T2 mới ký nhận. Vào khoảng tháng 11 năm 2022 (âl), ông C có nói đã đưa cho bà T

số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) trả tiền lúa giống IR 4625 mà ông C nhận của bà T giao cho bà T2 và ông T3. Vì vậy, bà T2 yêu cầu bà T phải trả lại tiền cho ông C để ông C tính lại với bà T2 và ông T3. Từ đó, đối với việc bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền lúa giống còn nợ là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả thì bà T2 không đồng ý.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Thế T1 trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Phương T tiền mua lúa giống còn nợ là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng); tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày khởi kiện 27-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 tháng 12 ngày thành tiền 4.397.738 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 124.817.738 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án; các bị đơn chấp hành chưa nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua lúa giống còn nợ và tiền lãi chậm trả, với tổng số tiền 124.817.738 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng) là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng tại Biên nhận ngày 20-11-2020, thể hiện nội dung: *"20-11-2020 vợ tâm có nhận của chị T (Lê Phương T) số lúa giống 8.920 kg, lúa IR4625, giá lúa giống 13.500đ/kg",* đối chiếu nội dung trình bày của các bị đơn tại Tờ tường trình ngày 03-6-2023 và Biên bản ghi lời khai ngày 12-7-2023 thì các bị đơn ông T3 và bà T2 thừa nhận có mua lúa giống của bà T thông qua ông C vào ngày 20-11-2020. Từ đó, nguyên đơn bà T yêu cầu ông T3 và bà T2 phải trả tiền lúa giống còn nợ và tiền lãi chậm trả là có cơ sở. Các bị đơn cho rằng ông C đã đưa cho bà T 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để trả tiền lúa Giống IR 4625 và yêu cầu bà T phải trả lại tiền cho ông C để ông C tính lại với các bị đơn, nhưng các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Căn cứ vào các Điều 288, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà bà Lê Phương T. Về án phí, buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn thanh toán tiền mua lúa giống còn nợ và tiền lãi chậm trả nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng các bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 và người làm chứng ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thu T2 và người làm chứng ông Nguyễn Văn C.

[2] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoảng tiền lãi chậm trả, cụ thể là nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu các bị đơn ông T3 và bà T2 có trách nhiệm trả cho bà T tiền mua lúa giống còn nợ là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng), tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày khởi kiện 27-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 tháng 12 ngày thành tiền 4.397.738 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 124.817.738 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Vào ngày 20-11-2020, bà T có bán lúa giống cho ông T3 và bà T2 với số lượng 8.920kg, loại lúa IR4625, giá lúa 13.500 đồng/kg, việc mua bán lúa giống có bà T2 ký tên vào sổ theo dõi bán hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại Tờ giấy kẽ ngang có nội dung: *"20-11-2020 vợ tâm có nhận của chị T (Lê Phương T) số lúa giống 8.920 kg, lúa IR4625, giá lúa giống 13.500đ/kg",* bên dưới có chữ ký và tên Nguyễn Thị Thu T2, đối chiếu với Tờ tường trình ngày 03-6-2023 và Biên bản ghi lời khai ngày 12-7-2023 thì các bị đơn ông T3, bà T2 thừa nhận có nhận lúa giống của bà T thông qua ông C và bà T2 có ký tên vào sổ theo dõi bán hàng của bà T. Từ đó, có cơ sở xác định vào ngày 20-11-2020, bà T bán lúa giống cho ông T3 và bà T2 với số lượng 8.920kg, loại lúa IR4625, giá lúa 13.500 đồng/kg là đúng sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà T bán lúa giống cho ông T3 và bà T2 với tổng số lượng 8.920kg, loại lúa IR4625, giá lúa 13.500 đồng/kg thành tiền 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Nhưng kể từ khi nhận lúa giống, ông T3 và bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại Tờ giấy kẽ ngang, thể hiện ngày 20-11-2020

các bên đã thỏa thuận mua bán với tổng số lượng lúa giống là 8.920kg, loại lúa IR4625, giá lúa 13.500 đồng/kg. Như vậy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên xác định tổng giá trị tiền lúa giống theo hợp đồng 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông T3 và bà T2 cho rằng vào khoảng tháng 11 năm 2022 (âl), ông C đã đưa cho bà T số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền lúa giống IR 4625 mà ông C nhận của bà T giao cho bà T2 và ông T3, nhưng các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc trả tiền lúa giống, nên có căn cứ xác định ông T3 và bà T2 chưa thanh toán cho bà T tổng số tiền lúa giống 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Căn cứ vào Điều 288, Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông T3 và bà T2 trả tổng số tiền lúa giống còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về khoản tiền lãi chậm trả, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn ông T3 và bà T2 phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền lúa giống 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) còn nợ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện 27-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08-9-2023 là 4.397.738 đồng (Bốn triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng). Xét thấy, việc mua bán giữa các bên không có thỏa thuận thời gian trả nợ cụ thể, nhưng kể từ khi bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả nợ đến nay thì các bị đơn vẫn chưa thanh toán. Căn cứ vào Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn bà T yêu cầu các bị đơn ông T3 và bà T2 thanh toán tiền lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày khởi kiện 27-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08-9-2023 là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với đề nghị của các bị đơn ông T3 và bà T2 về việc yêu cầu Tòa án đưa ông Nguyễn Văn C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu bà T phải trả lại tiền cho ông C để ông C tính lại với các bị đơn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Văn C tại nơi cư trú nhưng không làm việc được, đồng thời, Tòa án đã triệu tập ông C tham gia phiên tòa, nhưng ông C vắng mặt và không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét việc bà T trả lại tiền cho ông C. Tại phiên tòa các bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đưa tiền cho ông C trả tiền lúa giống cho bà T và cũng không có đơn yêu cầu ông C trả tiền cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường các bị đơn có chứng cứ chứng minh việc các bị đơn đưa tiền cho ông C thì các bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; các bị đơn ông T3 và bà T2

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 6.240.887 đồng (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288; 357; 430; 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Phương T.

Buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Phương T các khoản bao gồm:

- Tiền tiền lúa giống còn nợ là 120.420.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng);

- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện 27-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08-9-2023 là 4.397.738 đồng (Bốn triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

Tổng cộng là 124.817.738 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Phương T cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thu T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.240.887 đồng (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.735.127 đồng (Ba triệu, bảy trăm ba mươi năm nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009211 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)